

CÔNG TY TNHH MINH LONG I

-----30008-----

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐẾN Số:.....
Ngày: 15/10/25.....
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2024**

CÔNG TY TNHH MINH LONG I

Địa chỉ: Số 333 đường Hưng Định 24, khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định,
Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Bình Dương, năm 2025

CÔNG TY TNHH MINH LONG I

-----30008-----

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2024
CÔNG TY TNHH MINH LONG I**

Địa chỉ: Số 333 đường Hưng Định 24, khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định,
Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Ký (đồng dấu nếu có)

Lý Huy Páng

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIỂN THUẬN

Bình Dương, năm 2025

MỤC LỤC

1. VỀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT) ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	2
1.1. XỬ LÝ NƯỚC THẢI	2
1.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI.....	9
2. VỀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	10
2.1. XỬ LÝ KHÍ THẢI.....	10
2.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC KHÍ THẢI	11
3. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG.....	12
4. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:.....	12
5. VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:.....	14
5.1. VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	14
5.2. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	14

DANH MỤC BẢNG

BẢNG 1. NGUỒN PHÁT SINH NƯỚC THẢI.....	2
BẢNG 2. BẢNG TỔNG HỢP LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI SINH HOẠT NĂM 2023	8
BẢNG 3. BẢNG TỔNG HỢP LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI SINH HOẠT NĂM 2024	8
BẢNG 4. THỐNG KÊ VỊ TRÍ ĐIỂM QUAN TRẮC.....	9
BẢNG 5. THỐNG KÊ VỊ TRÍ ĐIỂM QUAN.....	10
BẢNG 6. BẢNG THỂ HIỆN NGUỒN PHÁT SINH KHÍ THẢI VÀ THÀNH PHẦN CHẤT THẢI CẦN QUAN TRẮC	10
BẢNG 7. THỐNG KÊ VỊ TRÍ ĐIỂM QUAN TRẮC.....	11
BẢNG 8. BẢNG THỐNG KÊ CTRSH.....	12
BẢNG 9. BẢNG THỐNG KÊ CTRCNTT	12
BẢNG 10.BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIẤY LOẠI THANH LÝ.....	12
BẢNG 11.BẢNG THỐNG KÊ CTNH.....	12

CÔNG TY TNHH
MINH LONG I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/BC-(3) CTBVMT

Bình Dương, 14 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2024

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Minh Long I
- Địa chỉ: Số 333 đường Hưng Định 24, khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Số điện thoại: 02743668899
- Người đại diện:
 - + LÝ NGỌC MINH Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên
 - + LÝ HUY SÁNG Chức vụ: Tổng giám đốc
- Sản xuất kinh doanh gồm sứ mỹ nghệ, với hệ thống nhà xưởng và kho nhằm phục vụ sản xuất, chứa các loại sản phẩm của công ty và nguyên liệu để sản xuất
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3700147620 được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 10 năm 2022
- Mã số thuế: 3700147620
- Giấy chứng nhận ISO 14001: Số 119367 cấp ngày 13 tháng 08 năm 2020 và được cấp lại ngày 04 tháng 07 năm 2023.
- Khối lượng sản phẩm của năm 2024: 40.077.414 sản phẩm lớn nhỏ
- Nhiên liệu:
 - Điện tiêu thụ năm 2024: 18.702.865 kWh
 - Nước tiêu thụ năm 2024: 2049

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

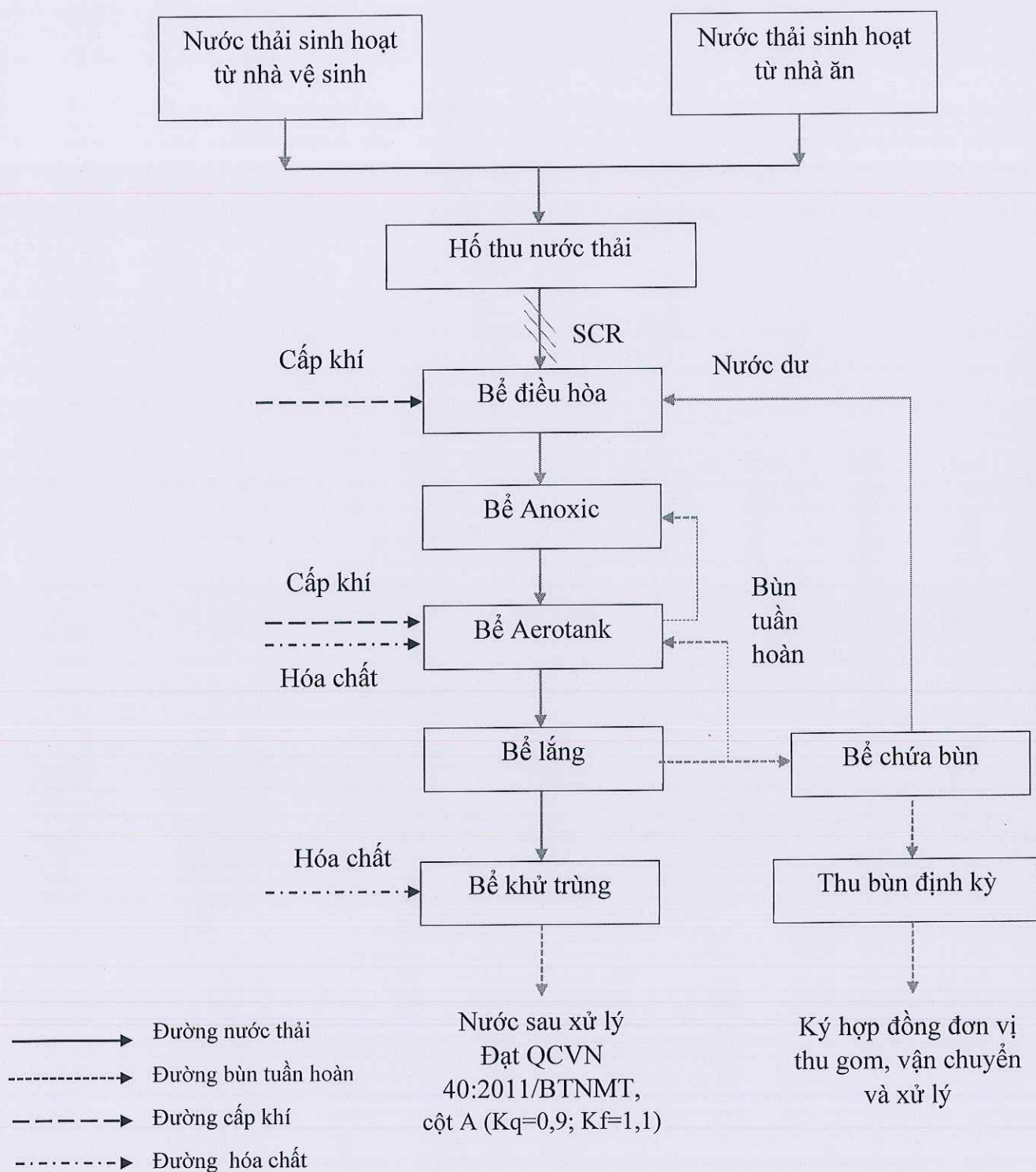
1.1. Xử lý nước thải

Bảng 1. Nguồn phát sinh nước thải

STT	Nguồn phát sinh	Thành phần
01	Nước mưa chảy tràn	- Váng dầu mỡ, cặn dầu, pH, chất rắn lơ lửng. - Các chất ô nhiễm trong không khí: SO _x , NO _x , ...
02	Nước thải sinh hoạt	pH, SS, BOD ₅ , COD, Coliform, Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ tổng, NH ₃ -N, PO ₄ ³⁻
03	Nước thải sản xuất	pH, SS, BOD ₅ , COD, Độ màu, Fe, Zn, Pb, Sn
04	Nước vệ sinh thiết bị, đường ống, sàn nhà, các thiết bị khác	Váng dầu mỡ, cặn, pH, chất rắn lơ lửng,....

Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thu gom về hồ thu gom sau đó được bơm đến HTXLNT của công ty, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), QCVN 14:2008/BTNMT (cột A).

❖ **SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT**

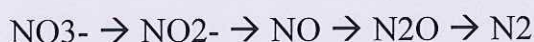


(Nguồn: Công ty TNHH Minh Long I)

► **Thuyết minh quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:**

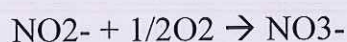
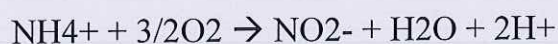
Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sau khi qua bể tự hoại và nước thải từ nhà ăn sau bể tách dầu mỡ được thu gom vào hố thu nước thải sinh hoạt. Tại hố thu gom sẽ trang bị lược rác thô có khe lưới khoảng 5mm để loại bỏ các cặn rắn có kích thước lớn nhằm giảm khả năng bị nghẹt bơm đường ống.

Nước thải từ hố thu gom sau khi được tách rác sẽ được bơm qua bể điều hòa. Tại đây, nước thải sẽ được điều hòa cả về lưu lượng và nồng độ ô nhiễm. Nước thải được sục khí bằng hệ thống phân phối khí từ máy thổi khí sẽ hòa trộn đồng đều nước thải nhằm làm thoáng sơ bộ và lắng cặn. Quá trình kỵ khí có thể xảy ra gây mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Nước thải trong bể điều hòa được bơm chìm bơm luân phiên với lưu lượng ổn định vào bể Anoxic. Tại bể Anoxic được thiết kế hai cánh khuấy đảm bảo $DO < 0,5 \text{ mg/l}$ cho quá trình khử nitơ diễn ra hiệu quả theo đúng phản ứng.



Lúc này, dưới tác dụng của các vi sinh vật Nitrobacter, Micrococcus, Archorombacter, Thiobacillus và Bacillus sẽ chuyển hóa Nitrit và Nitrat thì khí N_2 . Kết quả là NO_3^- sẽ bị khử thành N_2 tự do và giải phóng ra ngoài không khí, hàm lượng tổng Nito trong nước sẽ giảm.

Nước thải từ bể Anoxic sẽ chảy vào bể sinh học Aerotank. Tại đây, xảy ra đồng thời hai quá trình xử lý các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh vật dị dưỡng và quá trình oxy hóa Nito nhờ các vi sinh vật tự dưỡng. Trong bể sinh học Aerotank, các chuẩn vi sinh vật sẽ chuyển hóa Amoni theo phản ứng sau:



Đây là quá trình oxy hóa N-NH₃ trong điều kiện dư oxy. Kết quả là toàn bộ NH₃, NH₄ trong nước thải sẽ chuyển hóa về dạng N-NO₃, hàm lượng Nito tổng không thay đổi, do Nito trong nước thải chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác.

Quá trình Nitrification sẽ chuyển hóa Amonia thành NO₃, quá trình phân hủy các thành phần hữu cơ có trong nước thải sẽ sinh ra CO₂ và H₂O. Khi gặp môi trường nước các chất này chuyển hóa thành acid HNO₃ và H₂CO₃ làm pH của nước thải trong bể giảm xuống đáng kể. Khi pH < 6 thì khả năng chuyển hóa Ammonia sẽ không xảy ra

nữa, làm cho quá trình xử lý Nito cũng vì thế mà không hiệu quả. Vì vậy, quá trình này cần kiểm soát pH bằng thiết bị đo pH.

Trong bể sinh học Aerotank, hệ thống đĩa phân phối khí có tác dụng cung cấp oxy cho quá trình phát triển của vi sinh vật. Đảo lộn nước thải với vi sinh vật, tạo điều kiện cho các vi sinh vật hiếu khí phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải thành CO₂, H₂O,... một phần được chuyển hóa phát triển thành sinh khối – Biomass và oxy hòa hợp chất Nito thành NO₃.

Quá trình phân hủy chất hữu cơ theo phản ứng sau:

Nước thải (vi sinh vật – khí oxy) $\rightarrow$ H₂O + CO₂ + vi sinh vật mới

Nước thải bể sinh học Aerotank một phần sẽ tuần hoàn lại bể anoxic nhằm đảm bảo quá trình khử Nito triệt để hơn.

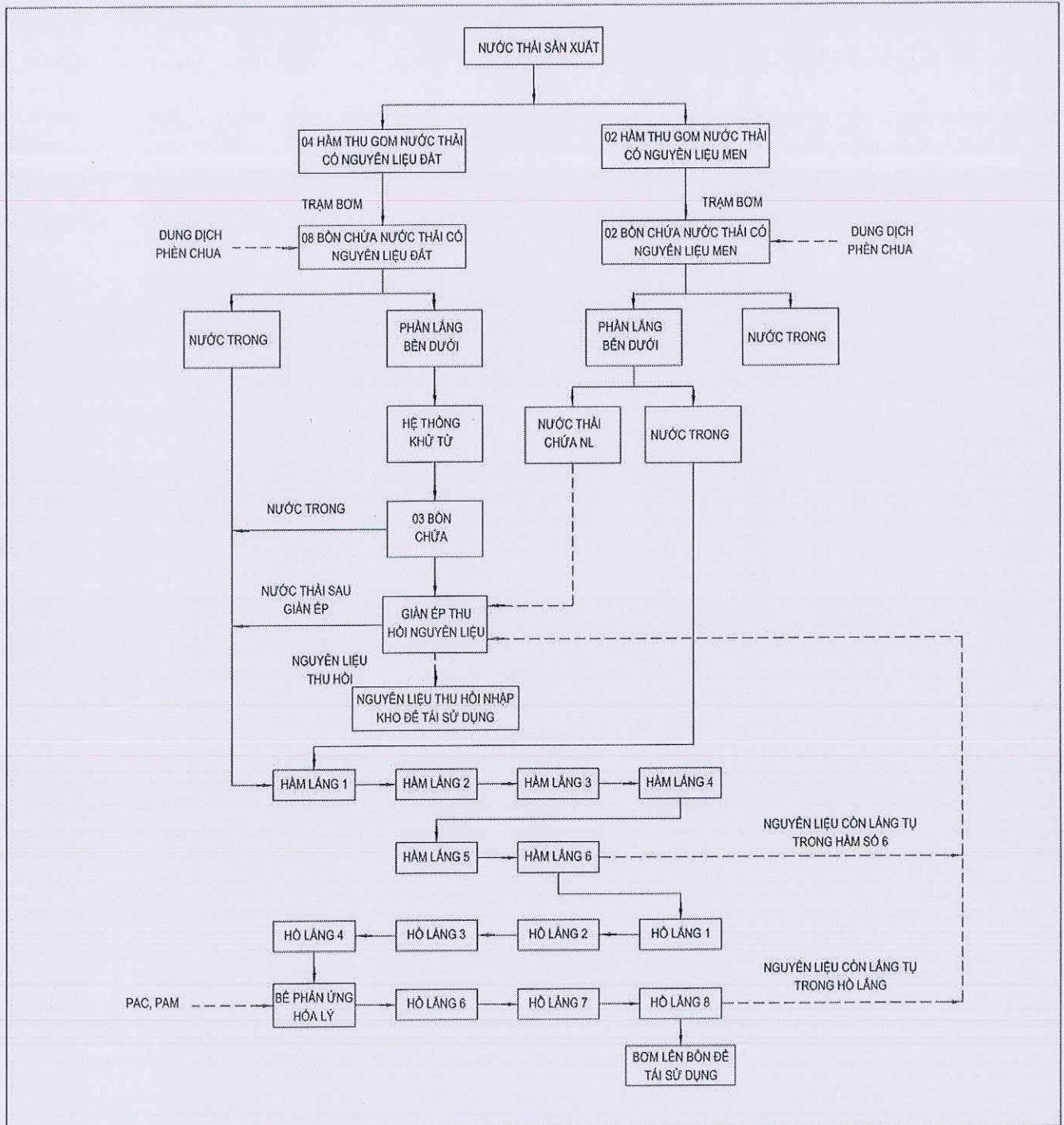
Tiếp tục nước bể sinh học Aerotank chảy sang bể lắng sinh học. Tại đây bùn sẽ được tách ra theo cơ chế tỷ trọng, làm giảm hàm lượng cặn lơ lửng trong nước thải. Phần bùn dư từ đáy ngăn được bơm về bể chứa bùn, một phần được bơm tuần hoàn về bể Anoxic để duy trì hàm lượng bùn cố định. Phần nước chảy sang bể khử trùng.

Tại bể khử trùng, nước Javen hay chlorine pha chế từ bồn hóa chất và được bơm vào bể khử trùng. Nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1); QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q=0,9; K_f=1,1) và được tái sử dụng để xả bồn cầu nhà vệ sinh, một phần sẽ tự chảy tràn vào mạng lưới thoát nước rạch Chòm Sao.

Phần bùn lắng sẽ bơm về bể chứa bùn. Tại đây, thời gian lưu thích hợp bùn sẽ phân hủy. Phần nước dư từ quá trình phân hủy bùn được dẫn tuần hoàn vào bể điều hòa tiếp tục xử lý. Phần bùn phân hủy sẽ được đơn vị có chức năng đến hút đi xử lý theo định kỳ.

Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất được thu gom về HTXLNT của công ty, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) được tái sử dụng, không thải ra môi trường.

❖ SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



(Nguồn: Công ty TNHH Minh Long I)

➤ **Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất:**

Nước thải sản xuất thải ra từ các bộ phận sản xuất được dẫn về 06 hầm thu gom (04 hầm thu gom nước thải có nguyên liệu đất, 02 hầm thu gom nước thải có nguyên liệu men). Sau đó nước thải sản xuất được bơm về 10 bồn chứa riêng biệt để tránh trộn lẫn các nguyên liệu (08 bồn chứa nước thải có nguyên liệu đất và 02 bồn chứa nước thải có nguyên liệu men). Tại đây, dung dịch phèn được cho vào bồn chứa để lắng tự nguyên liệu nước thải, cụ thể như sau:

Đối với nước thải lắng tự có nguyên liệu đất: Nước thải sản xuất từ 04 hầm thu gom được bơm lên 08 bồn chứa bằng inox (thể tích $10\text{m}^3/\text{bồn}$) để tiếp tục lắng tự.

Phần nước trong phía trên mặt bồn sẽ được dẫn về 06 hầm lắng thu hồi nước thải sau xử lý ($135\text{m}^3/6$ hầm).

Phần bên dưới chứa nguyên liệu sau lắng tự được đưa qua hệ thống khử từ để loại bỏ tạp chất, sau đó được bơm lên 03 bồn chứa Inox ($10\text{m}^3/\text{bồn}$) để tiếp tục lắng tự. Tiếp đến phần nước trong phía trên bề mặt bồn sẽ được dẫn về 06 hầm lắng thu hồi nước thải sau xử lý, phần nguyên liệu còn lắng tự trong 06 hầm này sẽ tiếp tục bơm ép để thu hồi nguyên liệu đất và được tái sử dụng.

Đối với nước thải có nguyên liệu men: Nước thải sản xuất từ 02 hầm thu gom được bơm lên 02 bồn chứa để tiếp tục lắng tự.

Phần nước trong phía trên mặt bồn sẽ được dẫn về 06 hầm lắng thu hồi nước thải sau xử lý ($135\text{m}^3/6$ hầm).

Phần lắng bên dưới chứa nguyên liệu sau lắng tự được bơm vào dàn ép để thu hồi nguyên liệu, phần nước thải từ dàn ép được dẫn về 06 hầm lắng thu hồi nước thải sau sản xuất.

Sau đó, nước từ 06 hầm lắng thu hồi nước thải sản xuất, được bơm về hồ lắng 01 sau đó nước thải chảy tràn từ hồ lắng số 01 đến hồ lắng số 04, nước thải từ hồ lắng số 04 được bơm qua hồ số 05 để xử lý hóa lý. Tại hồ số 05 hóa chất PAC (Poly Aluminium Chloride) và PAM (Poly Acrylamide) được châm vào với định lượng phù hợp cùng với 02 motor khuấy trộn được trang bị nhằm tạo phản ứng keo tụ, kết bông. Sau phản ứng, nước thải được lắng từ 5 đến 10 phút, sau đó nước thải được bơm qua hồ chứa số 06, 07, 08 để tái sử dụng. Phần nguyên liệu còn lắng tự dưới đáy hồ định kỳ được bơm về bồn chứa để bơm ép thu hồi nguyên liệu.

Nước sau khi qua hồ chứa số 06, 07, 08 sẽ được kiểm tra trước khi bơm lên 03 bồn chứa (tổng thể tích 24 m³) để tái sử dụng cho công đoạn như: lau sản phẩm, rửa bồn hồ, bồn men, máy in sản phẩm, máy nhúng sản phẩm, rửa nhà vệ sinh, vệ sinh nhà xưởng, PCCC, tưới cây,....

Nguyên liệu lắng tụ trong các hồ lắng được định kỳ mỗi ngày 01 lần bơm lên máy ép để tiếp tục thu hồi nguyên liệu còn sót trong nước thải.

Bảng 2. Bảng tổng hợp lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2023

Năm 2023	Số ngày xả thải (Ngày)	Lưu lượng được cấp phép (M ³)	Lưu lượng xả thải (M ³)
Tháng 01	24	9600	6474
Tháng 02	28	11200	8260
Tháng 03	31	12400	9793
Tháng 04	30	12000	8517
Tháng 05	31	12400	8803
Tháng 06	30	12000	9477
Tháng 07	31	12400	9785
Tháng 08	31	12400	9870
Tháng 09	30	12000	8657
Tháng 10	31	12400	8925
Tháng 11	30	12000	8665
Tháng 12	31	12400	8998
		Trung bình: 400m ³ /ngày đêm	Trung bình: 296.7m ³ /ngày đêm
	Tổng: 358	Tổng: 143200	Tổng: 106224

Bảng 3. Bảng tổng hợp lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2024

Năm 2024	Số ngày xả thải (Ngày)	Lưu lượng được cấp phép (M ³)	Lưu lượng xả thải (M ³)
Tháng 01	31	12400	8571
Tháng 02	21	8400	5742
Tháng 03	31	12400	9657
Tháng 04	30	12000	10537
Tháng 05	31	12400	10976
Tháng 06	30	12000	10813
Tháng 07	31	12400	10847
Tháng 08	31	12400	11312
Tháng 09	30	12000	10638
Tháng 10	31	12400	10522

Tháng 11	30	12000	7717
Tháng 12	31	12400	8675
		Trung bình: 400m ³ /ngày đêm	Trung bình: 324m ³ /ngày đêm
	Tổng: 358	Tổng: 143200	Tổng: 116007

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

1.2.1.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

- Thời gian quan trắc: Tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12
- Tần suất quan trắc: Hàng quý
- Vị trí các điểm quan trắc: Lấy mẫu nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 14:2008/BTNMT
- Đơn vị thực hiện quan trắc Số Vimcerts: Công ty CP AT-SK-MT Nam Việt số Vimcerts 314, công ty TNHH E.U.C số vimcerts 261
- Vị trí quan trắc: Tọa độ X: 1210525.908
Tọa độ Y: 603857.406

Bảng 4. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Kinh độ	Vĩ độ	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NT Sau HTXLNTSH	NTS H	04/03/2024	1210525.908	603857.406	0	Đạt	QCVN 40:2011/ BTNMT QCVN 14:2008/ BTNMT
2	NT Sau HTXLNTSH	NTS H	14/06/2024	1210525.908	603857.406	0	Đạt	
3	NT Sau HTXLNTSH	NTS H	30/09/2024	1210525.908	603857.406	0	Đạt	
4	NT Sau HTXLNTSH	NTS H	09/11/2024	1210525.908	603857.406	0	Đạt	

1.2.1.2 Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

- Thời gian quan trắc: Tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12
- Tần suất quan trắc: Hàng quý
- Vị trí các điểm quan trắc: Lấy mẫu nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý nước thải
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN): QCVN 40:2011/BTNMT
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty CP AT-SK-MT Nam Việt số Vimcerts 314, công ty TNHH E.U.C số vimcerts 261

Bảng 5. Thống kê vị trí điểm quan

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Kinh độ	Vĩ độ	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NT Sau HTXLNTSH	NTSH	04/03/2024			0	Đạt	QCVN 40:2011/BTNMT
2	NT Sau HTXLNTSH	NTSH	14/06/2024			0	Đạt	
3	NT Sau HTXLNTSH	NTSH	30/09/2024			0	Đạt	
4	NT Sau HTXLNTSH	NTSH	09/11/2024			0	Đạt	

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Công ty hiện không thuộc danh mục cơ sở sản xuất có yếu tố nhạy cảm với môi trường và lưu lượng xả thải dưới 500m³/ngày.đêm nên không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Bảng 6. Bảng thể hiện nguồn phát sinh khí thải và thành phần chất thải cần quan trắc

Stt	Nguồn phát sinh	Thành phần
I.	Môi trường không khí	
1.	Cổng bảo vệ	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tiếng ồn, Bụi, CO, SO ₂ , NO ₂ , HF.
2.	Hộ dân gần công ty	
3.	Máy in logo	
4.	Máy in bán tự động	

5.	Máy phân loại tái chế	
6.	Robot tự động hóa	
7.	Khu vực máy xay	
8.	Xưởng dán decal	
II.	<i>Khí thải</i>	
1	Tại ống thoát khí thải lò nung gas	Nhiệt độ, Lưu lượng, Bụi, SO ₂ , NO _x , CO, HF
2	Tại ống thoát khí thải lò nung điện	

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

- Thời gian quan trắc: Tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12
- Tần suất quan trắc: Hàng quý
- Vị trí các điểm quan trắc: Ống thoát khí thải lò nung gas, ống thoát khí thải lò nung điện
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN): QCVN 19:2009/BTNMT
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty CP AT-SK-MT Nam Việt số Vimcerts 314, công ty TNHH E.U.C số vimcerts 261
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có):

Bảng 7. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Kinh độ	Vĩ độ	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Tại ống thoát khí thải lò nung gas	KT1	04/03/2024 14/06/2024			0	Đạt	QCVN 19:2009/BTNMT
2	Tại ống thoát khí thải lò nung điện	KT2	30/09/2024 09/11/2024			0	Đạt	QCVN 19:2009/BTNMT

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Công ty hiện không thuộc danh mục cơ sở sản xuất có yếu tố nhạy cảm với môi trường và sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường nên không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Hiện tại lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được chia thành hai loại chính là chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp được thu gom, phân loại và xử lý riêng biệt

Bảng 8. Bảng Thống kê CTRSH

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2024(tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2023 (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chất thải rắn sinh hoạt năm 2024	74,2	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	72,8

Bảng 9. Bảng thống kê CTCRNTT

TT	Nhóm CTCRNTT	Khối lượng Năm 2024 (Tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRNTT	Khối lượng năm 2023 (Tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đất thu hồi tái sử dụng	476	Công ty TNHH Minh Long I	634
2	Chất thải phải xử lý	28,79	CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ	32,57

Bảng 10. Bảng thống kê khối lượng giấy loại thanh lý

TT	Tổ chức, cá nhân chuyên giao CTCRNTT	Số lượng (kg)	Chủng loại chất thải, phế liệu	Khối lượng năm 2023 (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thanh lý phế liệu		Giấy loại	133929

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Bảng 11. Bảng Thống kê CTNH

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2024(kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2023 (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Giẻ lau	180201	7620	Phối trộn	CÔNG TY	9334

			TĐ, HR	TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049.VX	
Bao bì đựng dầu nhớt, hóa chất	180101	975	Phối trộn TĐ, HR		1710
dầu nhớt thải	170204	3235	TC, TĐ		2500
Bóng đèn	160106	10	Nghiên, Phối trộn, HR		0
Bùn thải	120606	7710	Phối trộn TĐ, HR		7436
Que hàn, xỉ hàn	070401	230	HR		0
Cặn hóa chất	190301	3410	Phối trộn TĐ, HR		200
CT lây nhiễm	130101	90	Phối trộn TĐ, HR		0
Tổng số lượng		23280			21180

➤ **Biện pháp xử lý**

Tại mỗi khu vực đều bố trí các điểm thu gom chất thải nguy hại để tiếp nhận và lưu chứa. Từng loại chất thải nguy hại đều được thu gom phân loại riêng, đóng gói theo từng chủng loại, tập kết về kho chứa CTNH. Mỗi thùng chứa CTNH đều được dán nhãn theo quy định.

Khu vực lưu trữ CTNH có tên và mã của từng loại CTNH, có mái che, tường bao quanh, có gờ chống tràn, hố thu gom nước rỉ rác, có dẫn nhãn cảnh báo.

Chất thải nguy hại được thu gom, tách riêng biệt không để lẫn với các chất thải khác, được lưu trữ ở khu vực an toàn. Các loại CTNH được Công ty chuyển giao cho công ty TNHH Môi trường Chân lý theo hợp đồng số 622022/HĐXL.CL-ML ngày 03 tháng 5 năm 2022.

5. về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Trong năm 2024, cơ sở đã thực hiện xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải. Trong đó cơ sở đã xây dựng các kế hoạch nhằm phòng ngừa, ứng phó và các sự cố và xây dựng lực lượng, kế hoạch mua sắm trang thiết bị mục đích để ứng phó các sự cố ngoài ý muốn về môi trường, ngoài ra, cơ sở còn thực hiện các công tác đảm bảo về thông tin liên lạc và phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện tốt trong việc ứng cứu các sự cố khẩn cấp về môi trường mà nằm ngoài mức kiểm soát của cơ sở

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

5.2.1. Công tác phòng ngừa

Hiện tại cơ sở đã thực hiện một số biện pháp phòng ngừa các sự cố liên quan đến môi trường như:

- Tổ chức quan trắc môi trường hàng năm, định kỳ và đột xuất nếu cần thiết
- Thực hiện diễn tập các tình huống ứng phó sự cố khẩn cấp (Ứng phó sự cố PCCC, tràn đổ hóa chất, tràn đổ chất thải,...)
- Định kỳ theo kế hoạch, thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc trong công ty (Trong đó có các máy móc liên quan đến xử lý các loại chất thải)
- Trang bị các bồn chứa, bể chứa, công trình phòng ngừa sự cố, các máy lọc bụi túi vải di động,....

5.2.2. Công tác ứng phó, khắc phục sự cố môi trường

Trong trường hợp các sự cố đã xảy ra, cơ sở đã lên kế hoạch ứng phó cho môi trường hợp, tình huống xấu nhất có thể xảy ra và dựng lên được các bước xử lý khi có sự cố xảy ra:

- Về thông tin, cảnh báo, báo động về sự cố cơ sở đã lắp đặt hệ thống chuông báo cháy, loa báo động xách tay, hệ thống bộ đàm nội bộ,...
- Lực lượng ứng phó sự cố bao gồm nhân lực là các đội viên của đội ứng phó cơ sở được trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và các trang thiết bị ứng phó sự cố. Ngoài ra, công ty đã nộp kế hoạch ứng phó sự cố chất thải lên các đơn vị lân cận để cùng thảo luận và hướng dẫn phối hợp xử lý khi có sự cố ngoài tầm kiểm soát của cơ sở xảy ra (PCCC, UBND Phường Hưng Định, trạm y tế, đội phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn,...)
- Tiến hành ứng phó sự cố theo chỉ dẫn của ban chỉ huy ứng phó sự cố, phối hợp cùng các cơ quan chức năng khi sự cố ngoài tầm kiểm soát

- Đánh giá thiệt hại về tài sản, môi trường, thu gom và xử lý chất thải phát sinh, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại, xử lý vi phạm,...(Công ty đã thực hiện xây dựng quỹ dự phòng các tình huống sự cố xảy ra, tránh tình trạng bị động, ngoài kiểm soát và không thể khắc phục)

- Khi kết thúc công tác, thực hiện điều tra nguyên nhân, rút kinh nghiệm, tính toán chi phí xử lý những ảnh hưởng, tác động lên môi trường, công khai kết quả.

Nơi nhận:

- ...;
- ...;
- Lưu: VT, (5), (6).



LÝ HUY SÁNG

PHỤ LỤC

1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2	Giấy chứng nhận ISO 14001
3	Giấy phép xả thải vào nguồn nước
4	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
5	Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại
6	Hợp đồng xử lý chất thải sinh hoạt
7	Hợp đồng xử lý chất thải Nguy hại và công nghiệp và phụ lục hợp đồng
8	Chứng từ rác công nghiệp, hầm cầu, nguy hại
9	Hợp đồng quan trắc môi trường
10	Kết quả quan trắc môi trường